

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-4-2023.
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Hiện

- Bà Bùi Thị Duyên

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Ánh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 179/2022/TLST–HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Trương Thúy H, sinh năm 1979, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có yêu cầu vắng mặt.

- ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1977, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Trương Thúy H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn vào năm 2005; hôn nhân tự nguyện, đến năm 2007 chị và anh C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/8/2005. Trong thời gian chung sống chị và anh C có 02 con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 27/12/1999 và Nguyễn Duy K, sinh ngày 26/7/2009 và hiện con chung Nguyễn Duy K đang sống chung với chị; đối với con chung Nguyễn Quốc T đã trưởng thành. Chị và anh C có tạo lập được tài sản chung là nhà, đất, xe máy, ghe máy, tivi và vật dụng sinh hoạt trong nhà nhưng không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Lý do không còn sống chung: do trong thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn mà không giải quyết được.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị H có các yêu cầu sau:

Về hôn nhân: chị H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn C. Về con chung: Nguyễn Quốc T, sinh ngày 27/12/1999 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, chị H yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 26/7/2009. Chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Ngày 14/02/2023 chị Trương Thúy H có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo nhưng anh Nguyễn Văn C vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thúy H và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Do đó, căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thúy H:

+ Về con chung: chị Trương Thúy H được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 26/7/2009. Do chị Trương Thúy H không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Đối với con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 27/12/1999 đã trưởng thành, chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: chị Trương Thúy H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: chị Trương Thúy H trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Thanh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: chị Trương Thúy H có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H, anh C.

[4] Về hôn nhân: chị Trương Thúy H và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh, huyện Thanh Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/8/2005. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị H và anh C được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị H xin ly hôn với anh C là do trong thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn mà không giải quyết được. Xét thấy: hiện nay chị H và anh C không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Tòa án đã tạo điều kiện để chị H và anh C hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng anh C vắng mặt không có lý do nên từ đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị H và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thúy H là phù hợp.

[5] Về con chung: chị Trương Thúy H và anh Nguyễn Văn C có 02 con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 27/12/1999 và Nguyễn Duy K, sinh ngày 26/7/2009; khi ly hôn chị H yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 26/7/2009. Xét thấy hiện nay con chung Duy K có nguyện vọng sống chung với chị H. Lễ đó cần giao con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 26/7/2009 cho chị Trương Thúy H trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Do chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 27/12/1999 đã trưởng thành, chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Nguyễn Văn C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, chị Trương Thúy H có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do chị H không có yêu cầu.

[7] Về tài sản chung: chị H trình bày không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: chị H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Chị Trương Thúy H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thúy H. Chị Trương Thúy H được ly hôn với anh Nguyễn Văn C. Không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do chị H không có yêu cầu.

2. Về con chung: chị Trương Thúy H được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 26/7/2009. Do chị Trương Thúy H không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn C có quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Nguyễn Văn C có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; chị Trương Thúy H có thể yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: chị Trương Thúy H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: chị Trương Thúy H trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Trương Thúy H phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007537 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã Bình Thạnh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tơ